

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/HS-PT

Ngày 25/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết

Bà Phạm Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Văn T** và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án sơ thẩm số 100/2024/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1964 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn K, con bà Nguyễn Thị T1 (đều đã chết); V là Hoàng Thị T2; Có 03 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định số 2146 ngày 18/10/2016, Ủy ban nhân dân thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 6.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc và dùng nhà ở của mình để chứa bạc trái phép (đã nộp phạt ngày 17/11/2016); Bị tạm giữ từ 27/8/2023 đến 04/9/2023, hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

2. Chu Văn Q, sinh năm 1972 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Chu Văn K1 (đã chết), con bà

Nguyễn Thị C; Vợ là Lê Thị N; Có 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ 27/8/2023 đến 04/9/2023, hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

3. Đinh Văn Q1, sinh năm 1966 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đinh Văn C1, con bà Chu Thị Đ (đều đã chết); Vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 27/8/2023 đến 04/9/2023, hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

4. Đinh Thế Đ1, sinh năm 1991 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đinh Văn T3, con bà Ngô Thị X1; Vợ là Vũ Thị M; Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định số 201 ngày 16/8/2013 của Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền: 1 000.000đ về hành vi Đánh bạc (đã nộp phạt ngày 18/11/2013), được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị tạm giữ từ ngày 27/8/2023 đến 04/9/2023, hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn K2, con bà Đinh Thị T4; Vợ là Nguyễn Thị Ngọc A và có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định số 44 ngày 24/01/2019 của Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền: 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc (đã nộp phạt ngày 31/01/2019); hiện đang tại ngoại; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

6. Chu Văn P, sinh năm 1981 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Chu Văn K3, con bà Nguyễn Thị M1; Vợ là Nguyễn Thị X2; Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ 27/8/2023 đến 04/9/2023, hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

7. Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1976 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đình N1, con bà Lê Thị H1; Vợ là Hoàng Thị H2; Có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: (1) Quyết định số 172 ngày

19/12/2005, Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000đ về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt ngày 20/12/2005); (2) Quyết định số 366 ngày 20/9/2017, Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000đ về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 21/9/2017); Bị tạm giữ từ ngày 27/8/2023 đến 04/9/2023, hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Tiến S, sinh năm 1973 tại thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn C2, con bà Hoàng Thị T5 (đều đã chết); V là Đinh Thị N2; Có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định số 146 ngày 01/9/2003 của Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền: 1.000.000đ về hành vi Đánh bạc (đã nộp phạt ngày 03/9/2003); hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Văn K4, sinh năm 1986 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Đ3, con bà Hoàng Thị H3; Vợ là Nguyễn Thị T6; Có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 27/8/2023 đến 04/9/2023, hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn 02 bị cáo khác không có kháng cáo gồm:

1. Đinh Văn S1, sinh năm 1960 tại thành phố H, tỉnh Hải Dương; ĐKKHKT và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đinh Văn V1, con bà Nguyễn Thị B (đều đã chết); Vợ là Nguyễn Thị N3, sinh năm 1968; Có 04 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ 27/8/2023 đến 04/9/2023, hiện đang tại ngoại; Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn X3, sinh năm 1965 tại thành phố H, tỉnh Hải Dương; ĐKKHKT và chỗ ở: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn G, con bà Lê Thị N4 (đều đã chết); Vợ là Đinh Thị N5, sinh năm 1970; Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang tại ngoại; Vắng mặt.

Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng nghị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn X3, Nguyễn Văn Đ2, Chu Văn Q, Chu Văn P, Nguyễn Văn K4, Đinh Thế Đ1, Đinh Văn S1, Đinh Văn Q1, Nguyễn Văn H và Lê Văn T quen biết nhau từ trước. Khoảng 08h00' ngày 27/8/2023, Đảng, S1, Đ1, Q1, và S đến nhà của T ở khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngồi chơi uống nước. Do có người nói “nay chủ nhật làm tý Liêng” (không xác định được là ai) thì T, Đảng, S1, Đ1, Q1, S đều hiểu là đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức đánh bài Liêng nên tất cả mọi người đồng ý và sử dụng 01 bộ 52 quân tú lơ khơ có sẵn trong phòng khách ngồi xuống chiếu ở phòng khách để đánh bạc.

Các bị cáo thỏa thuận: nếu ai lên bài được “Liêng” thì mỗi người chơi mất 20.000đ tiền gà và nộp thêm cho người được L số tiền 50.000đ, nếu lên bài được “Sáp” thì mỗi người chơi mất 20.000đ tiền gà và phải nộp thêm cho người được “Sáp” số tiền 100.000đ. Do T là chủ nhà nên quy định T không phải trả 100.000đ cho người được “Sáp” và không phải trả 50.000đ cho người được “Liêng”.

Do không có tiền nên S vay của T 300.000đ để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có 1 ván S1 được “Liêng” nên T được hưởng 50.000đ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày khi T, Đảng, S1, Đ1, Q1, S đang đánh bạc thì P, Hội, X3, Q và K4 đến nhà T. Lúc này T không đánh bạc nữa lên ghế ngồi, S thua hết tiền nên đi về, P, Hội và X3 tham gia đánh bạc cùng S1, Đảng, Đ1, Q1. Khoảng 20 phút sau X3 thua hết tiền nên đi về, Q1 không đánh bạc nữa ngồi lên ghế thì Q và K4 tham gia đánh bạc cùng Hội, S1, Đảng, Đ1, P. Đến khoảng 11h15' cùng ngày, khi Qua, K4, H, S1, Đảng, Đ1, P đang đánh bạc, T và Q1 đang ngồi uống nước trên ghế thì tổ công tác của Phòng C3 Công an tỉnh H phối hợp với Công an phường N, thành phố H phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng: 01 (một) bộ tú lơ khơ 52 quân bài, thu giữ trên chiếu bạc 14.350.000đ.

Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau: Lê Văn T sử dụng 12.200.000đ, khi bị bắt còn 11.700.000đ; Nguyễn Văn H sử dụng 1.300.000đ, khi bị bắt có 1.690.000đ; Đinh Thế Đ1 sử dụng 5.240.000đ, khi bị bắt có 5.600.000đ; Chu Văn Q sử dụng 8.300.000đ, khi bị bắt còn 8.110.000đ; Nguyễn Văn Đ2 sử dụng 1.000.000đ, khi bị bắt còn 540.000đ; Nguyễn Văn K4 sử dụng 350.000đ, khi bị bắt có 800.000đ; Chu Văn P sử dụng 1.100.000đ, khi bị bắt có 1.440.000đ; Đinh Văn S1 sử dụng 490.000đ, khi bị bắt có 1.610.000đ; Đinh Văn Q1 sử dụng 7.000.000đ, khi bị bắt còn 6.700.000đ; Nguyễn Tiến S sử dụng 300.000đ đánh bạc bị thua hết; Nguyễn Văn X3 sử dụng 40.000đ đánh bạc bị thua hết. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 38.190.000đ.

Tại Bản án sơ thẩm số 100/2024/HSST ngày 30/7/2024, TAND thành phố Hải Dương căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm c khoản 1 điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 17, Điều 35, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, Điều 17, Điều 35, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Chu Văn Q, Đinh

Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn K4 (áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS đối với bị cáo Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Nguyễn Văn Đ2);

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Văn S1 và Nguyễn Văn X3 (áp dụng thêm điểm v, x khoản 1 điều 51 BLHS đối với bị cáo Đinh Văn S1).

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 tháng tù về tội Đánh bạc và 12 tháng tù về tội Gá bạc. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành 27 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 26 tháng 21 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt các bị cáo Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn K4, Đinh Văn S1 và Nguyễn Văn X3 đều về tội Đánh bạc. Cụ thể:

Xử phạt các bị cáo Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1 mỗi bị cáo 14 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 13 tháng 21 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 13 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 12 tháng 21 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 13 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Chu Văn P 12 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến S 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K4 09 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 08 tháng 21 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn S1 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X3 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung; biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Các ngày từ 02/8/2024 đến 09/8/2024, các bị cáo Lê Văn T, Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn K4 đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo nhất trí với tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được áp dụng; vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo; Các bị cáo Lê Văn T, Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Chu Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn K4, Nguyễn Tiến S, Đinh Thế Đ1 xuất trình các tài liệu là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

+ Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo đã xuất trình thêm các tài liệu thể hiện chăm sóc bà mẹ Việt Nam anh hùng, nộp trước tiền phạt, án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Văn T, Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P; cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn K4, Nguyễn Tiến S. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn K4 trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, phù hợp những chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ 8 giờ đến 11 giờ 15 phút ngày 27/8/2023, Lê Văn T sử dụng tầng 1 nhà ở của mình tại khu dân cư K, phường N, thành phố H để cùng các bị cáo Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Đinh Văn S1, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn K4, Nguyễn Văn X3 đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền. Thệ được hưởng lợi 50.000đ tiền hồ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 38.190.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc được thua bằng tiền, gá bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn T về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Văn T, Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn K4 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Về tội danh, các bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo về hình phạt:

[3.1] Đối với Lê Văn T: Bị cáo là người chuẩn bị địa điểm, trực tiếp đánh bạc với số tiền lớn nhất, cho bị cáo S vay tiền để đánh bạc nên giữ vai trò đầu trong vụ án đồng phạm đánh bạc; đồng thời bị cáo còn phạm tội Gá bạc theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là tội phạm nghiêm trọng, bị xét xử trong cùng vụ án. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2016 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và dùng nhà ở của mình để chứa bạc trái phép, mặc dù đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do cố ý. Do vậy, bị cáo không thuộc trường hợp cho hưởng án treo và không đủ điều kiện để cho hưởng án treo theo khoản 4 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc, 01 năm tù về tội Gá bạc là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo có công chăm sóc bà mẹ Việt Nam anh hùng - Đinh Thị B1; tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp trước án phí và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, tiếp tục khai báo thành khẩn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Đối với các bị cáo Chu Văn Q, Đinh Văn Q1 và Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P: Xét các bị cáo Q, Q1, Đ1 tham gia đánh bạc với số tiền tương đối lớn; Đảo tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt; Qua, Q, P, H không tham gia từ đầu đến khi bị bắt nhưng đều tham gia đánh bạc tích cực; bị cáo Đ1 và Hội đều có nhân thân đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Q, Q1, Đ1 01 năm 02 tháng tù; Hội 01 năm 01 tháng tù, P 01 năm tù là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo cho hưởng án treo của các bị cáo. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo Q, Q1, Đ1, P tiếp tục thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp trước tiền phạt bổ sung và án phí; bị cáo Q cung cấp tài liệu có xác nhận của UBND phường N về việc bị cáo có thời gian tham gia trực chốt kiểm soát dịch Covid, ủng hộ Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid đề dùng thiết yếu cho chốt kiểm soát; Bị cáo Q1 cung cấp xác nhận của UBND phường N về việc ủng hộ Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid đề dùng thiết yếu cho chốt kiểm soát; bị cáo P cung cấp xác nhận của UBND phường N về việc có thời gian tham gia tuyên truyền phòng chống Covid-19 tại cộng đồng, có bố đẻ là Cựu Hội viên Hội thanh niên xung phong Việt Nam nên các bị cáo Q, Q1, Đ1, P được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Hội mặc dù không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng tham gia đánh bạc sau với số tiền không lớn. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo T, Q, Q1, Đ1, P, Hội thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và công bằng giữa các bị cáo.

[3.3] Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn K4, Nguyễn Tiến S: Xét các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; bị cáo Đ2 còn có bố đẻ là người có công với cách mạng, cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đ2 là đúng. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, xuất trình tài liệu, chứng cứ mới, cụ thể: bị cáo Đảng có bố đẻ là thương binh; có thời gian tham gia trực chốt kiểm soát dịch Covid; có công chăm sóc bà mẹ Việt Nam anh hùng - Đinh Thị B1, các bị cáo đã nộp trước tiền phạt bổ sung và án phí nên các bị cáo P, Đảng được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đảng, S mặc dù có nhân thân bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính thời gian đã lâu. Xét các bị cáo đều có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải là người đề xuất, khởi xướng trong vụ án, số tiền đánh bạc không đáng kể, có nơi cư trú rõ ràng nên cần giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo và đảm bảo mục đích phòng ngừa chung nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ2, K4, S. Do các bị cáo Q1, Đ1 có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định bắt tạm giam tại phiên tòa các bị cáo Q1, Đ1 để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3.4] Đối với bị cáo Đinh Văn S1: Tuy bị cáo không kháng cáo giảm nhẹ hình phạt nhưng xét bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc nhỏ (490.000đ), có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (điểm i, s, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự), không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và công bằng giữa các bị cáo.

[4] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận một phần hoặc toàn bộ nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23 Nghị quyết 326/2012/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn K4. Sửa Bản án sơ thẩm số 100/2024/HSST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm c khoản 1 điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 10 (mười) tháng tù về tội Đánh bạc và 12 (mười hai) tháng tù về tội Gá bạc. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành 22 (hai mươi hai) tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 21 (hai mươi một) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Chu Văn P, Đinh Thế Đ1

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q1 10 (mười) tháng tù về tội Đánh bạc, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (25/9/2024).

Xử phạt bị cáo Đinh Thế Đ1 10 (mười) tháng tù về tội Đánh bạc, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (25/9/2024).

Xử phạt bị cáo Chu Văn Q 10 (mười) tháng tù về tội Đánh bạc, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Chu Văn P 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc, được trừ 09 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bắt và tạm giam các bị cáo Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1 ngay tại phiên tòa để đảm bảo cho việc thi hành án.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 10 (mười) tháng tù về tội Đánh bạc, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn K4;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K4 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến S 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Sửa Bản án sơ thẩm số 100/2024/HSST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với Đinh Văn S1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v, x khoản 1 điều 51, Điều 17,

Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn S1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn K4, Nguyễn Tiến S, Đinh Văn S1 cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lê Văn T, Chu Văn Q, Đinh Văn Q1, Đinh Thế Đ1, Nguyễn Văn H, Chu Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn K4, Nguyễn Tiến S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Ghi nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp trước tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, cụ thể:

Bị cáo Lê Văn T đã nộp 15.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai thu tiền số 0001920 ngày 20/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ2 đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001915 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Bị cáo Chu Văn Q đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001919 ngày 20/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Bị cáo Đinh Thế Đ1 đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001951 ngày 24/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Bị cáo Nguyễn Tiến S đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001871 ngày 18/9/2024 và 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai thu tiền số 0001952 ngày 24/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Bị cáo Nguyễn Văn K4 đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001872 ngày 18/9/2024 và 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai thu tiền số 0001600 ngày 24/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Bị cáo Đinh Văn Q1 đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001598 ngày 18/9/2024 và 10.000.000 đồng tiền phạt bổ

sung theo Biên lai thu tiền số 0001916 ngày 19/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương

Bị cáo Chu Văn P đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001918 ngày 20/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/9/2024.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNVCS-Công an tỉnh Hải Dương;
- TAND TP Hải Dương;
- VKSND TP Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS-CA TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Bùi Đăng Huy